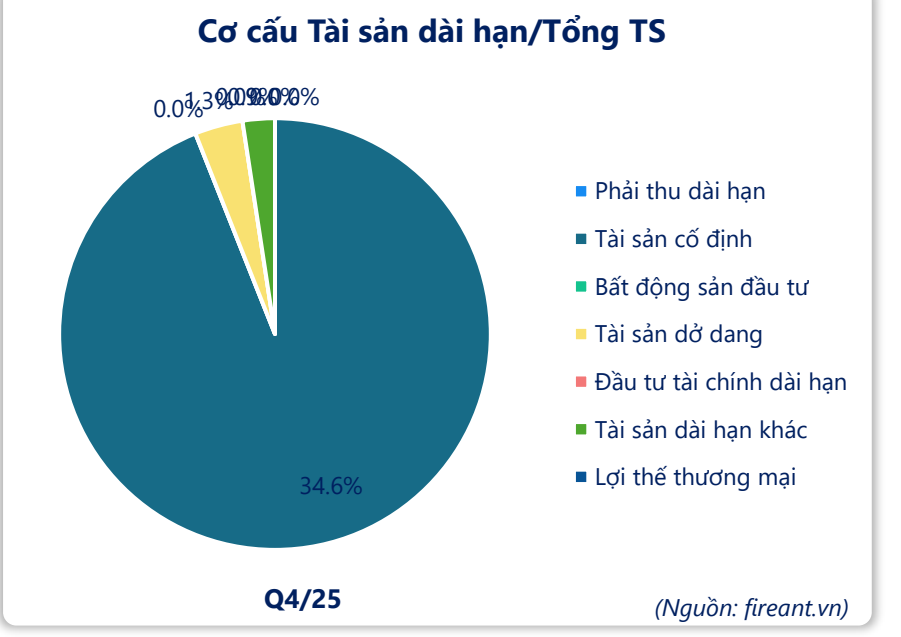
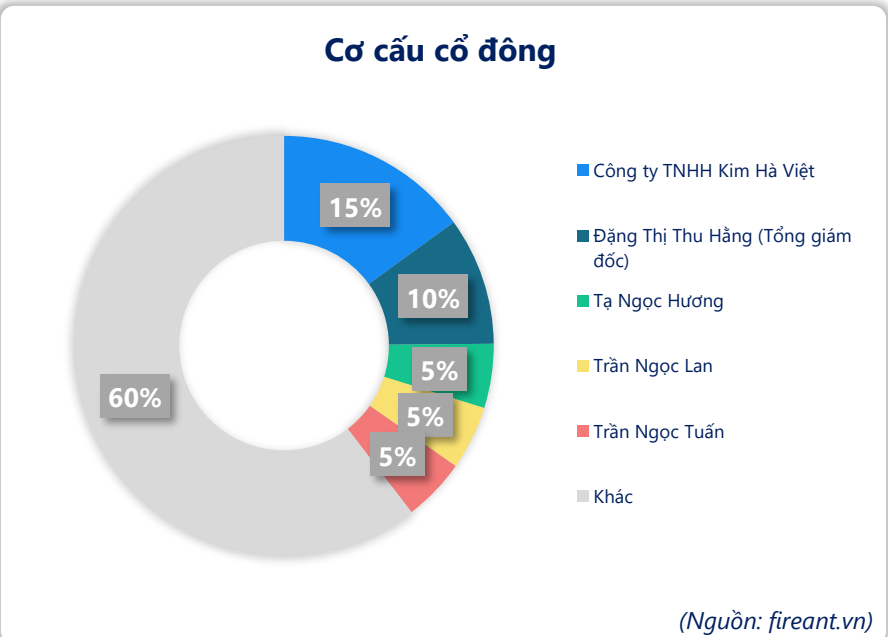
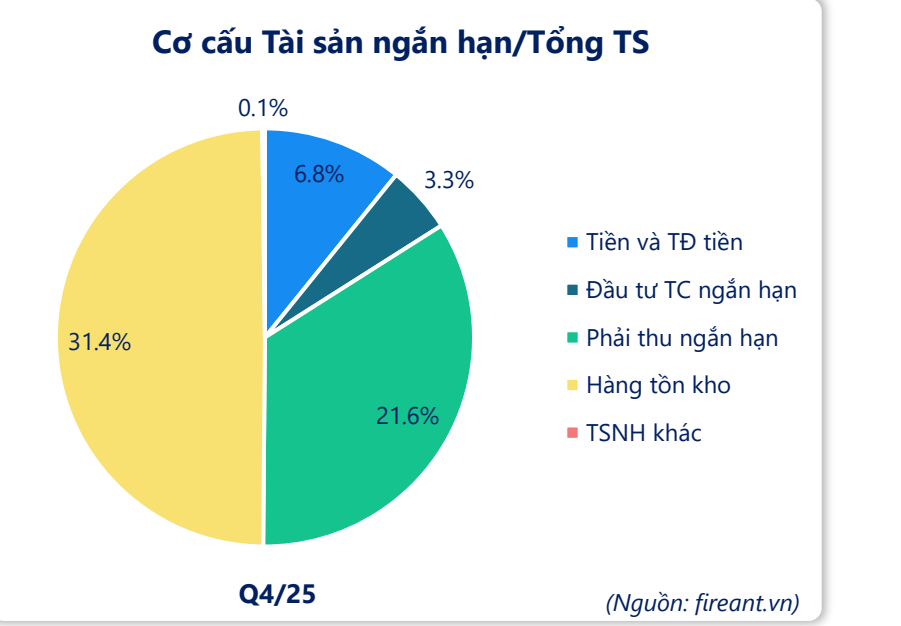
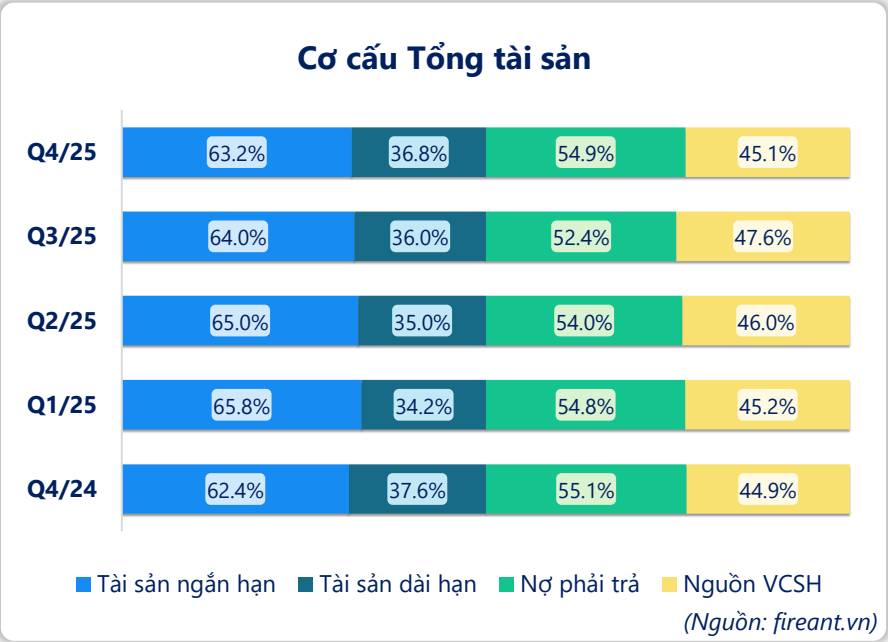
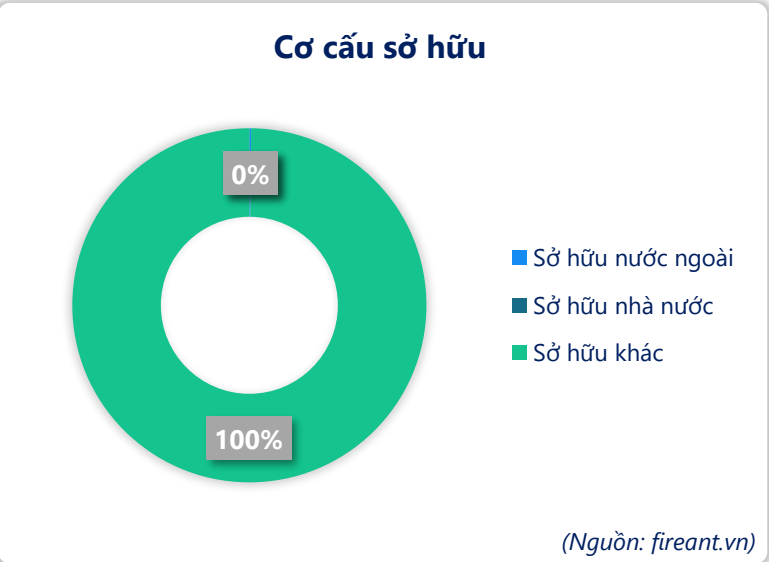
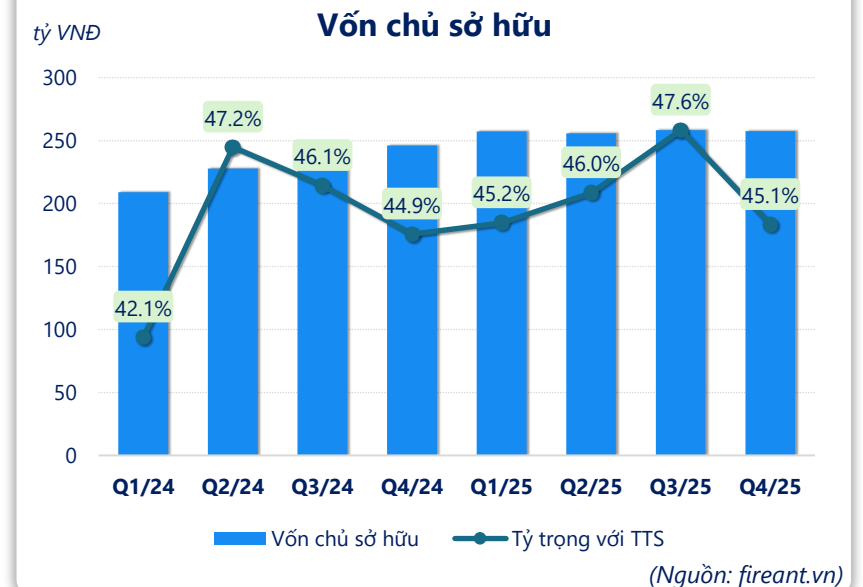
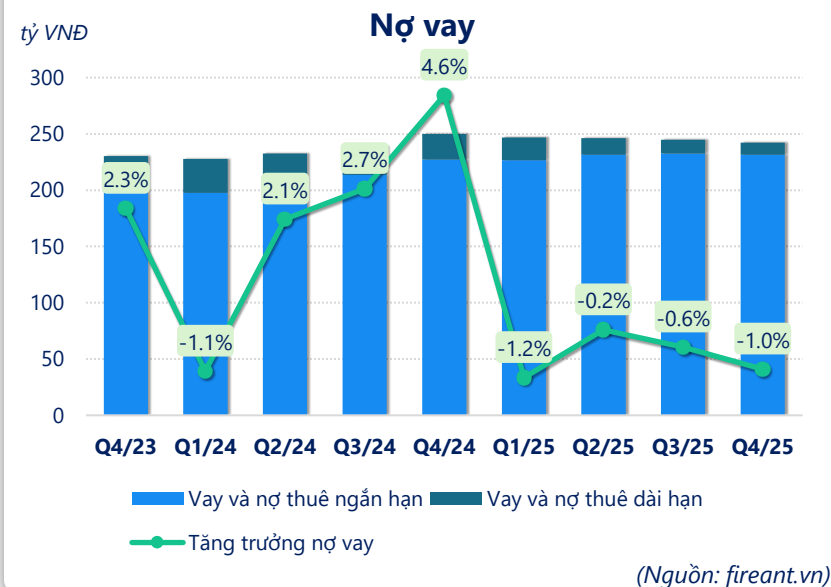
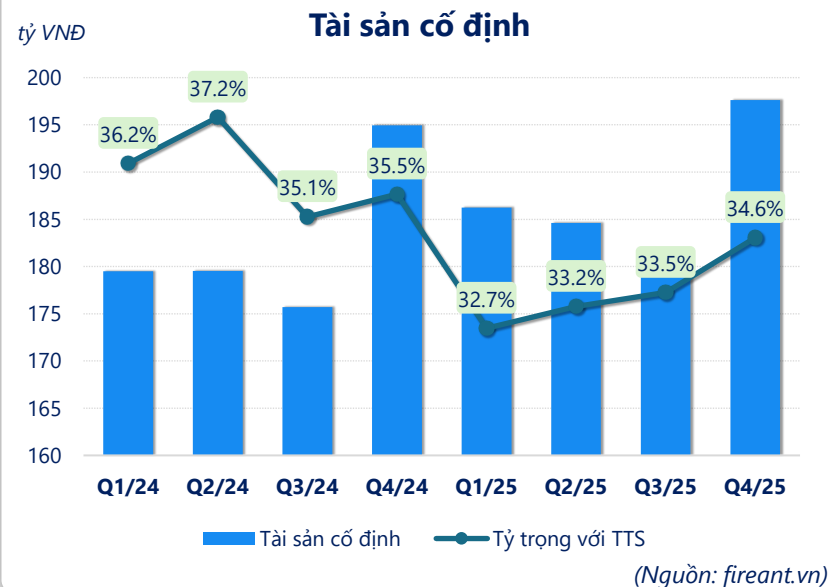
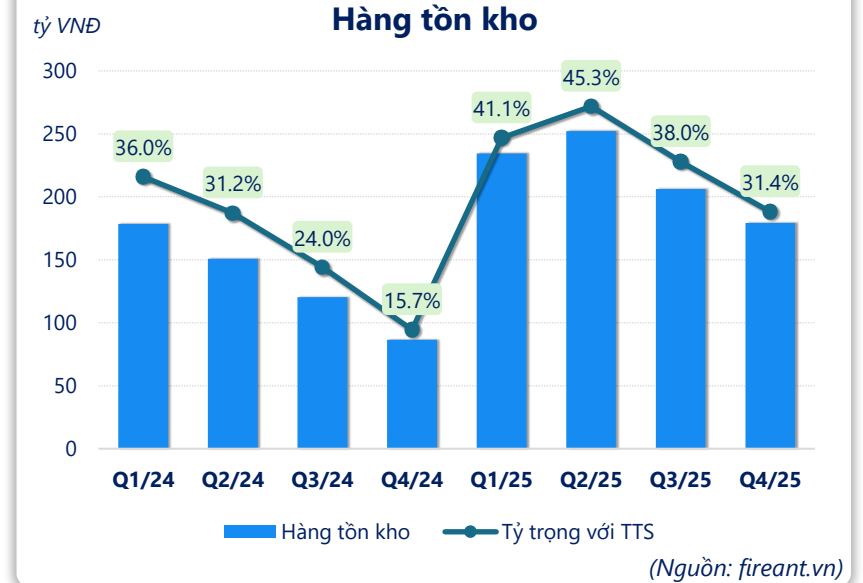
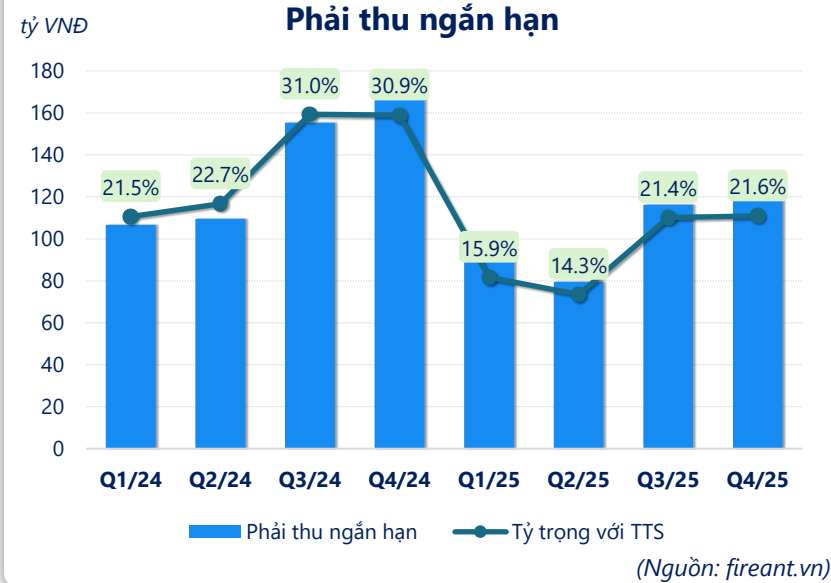
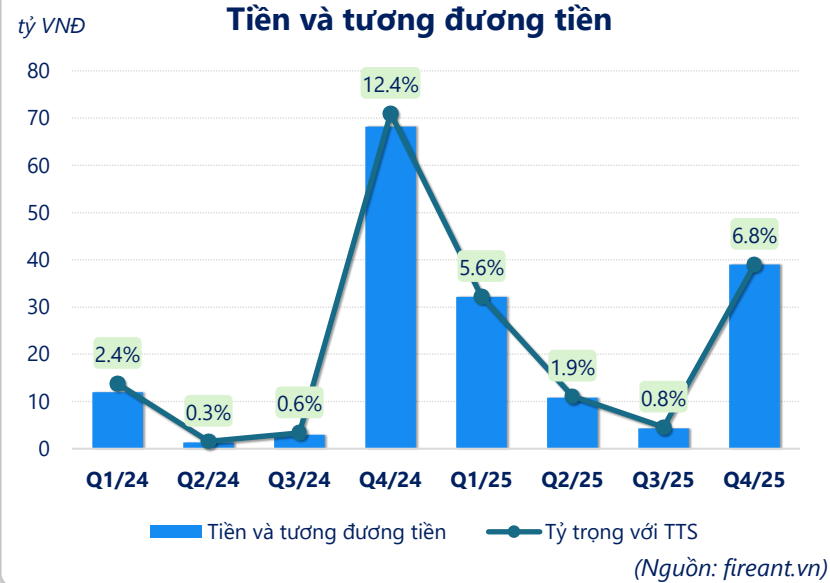
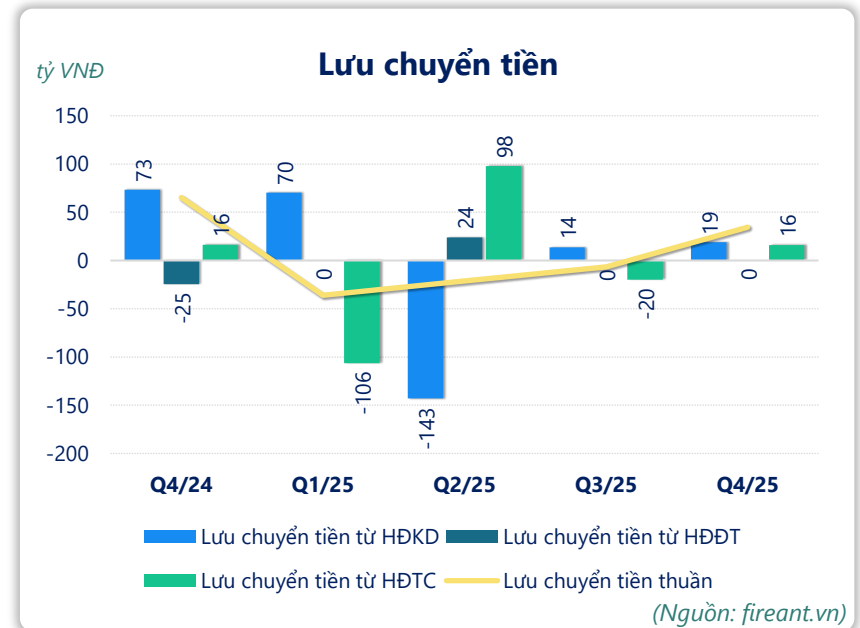
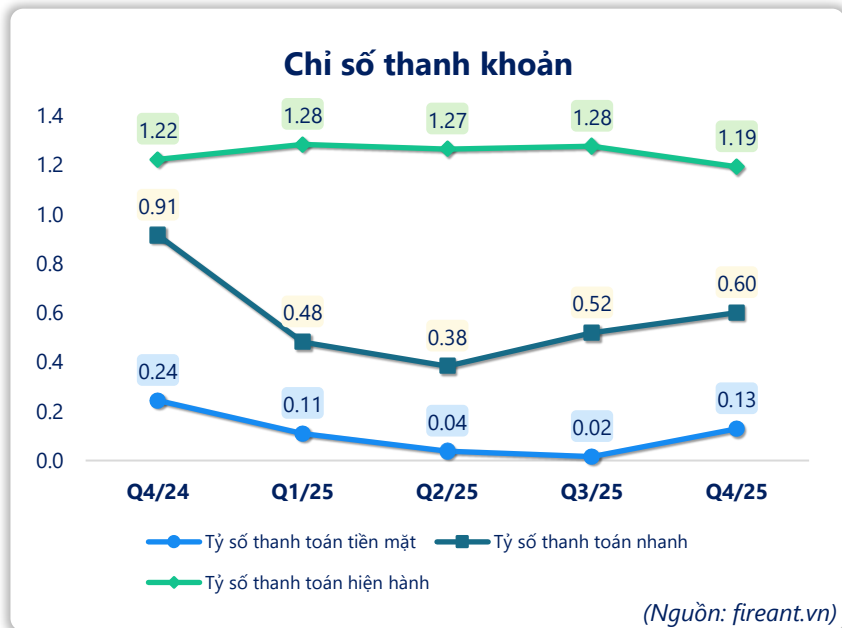
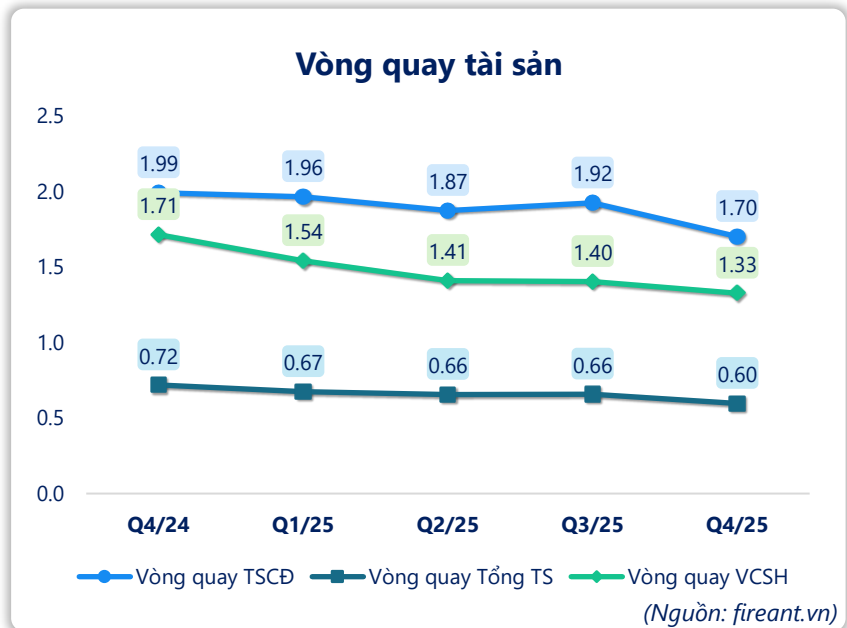
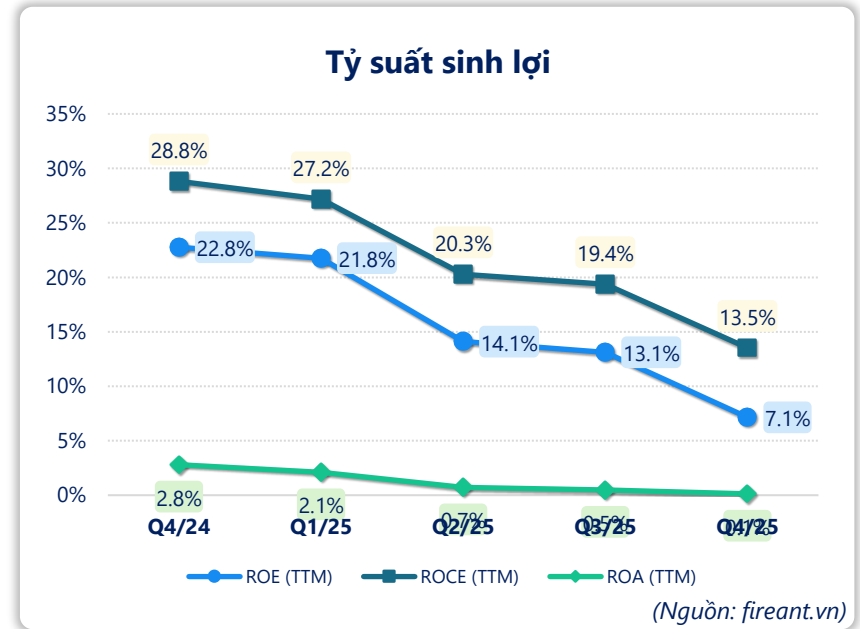
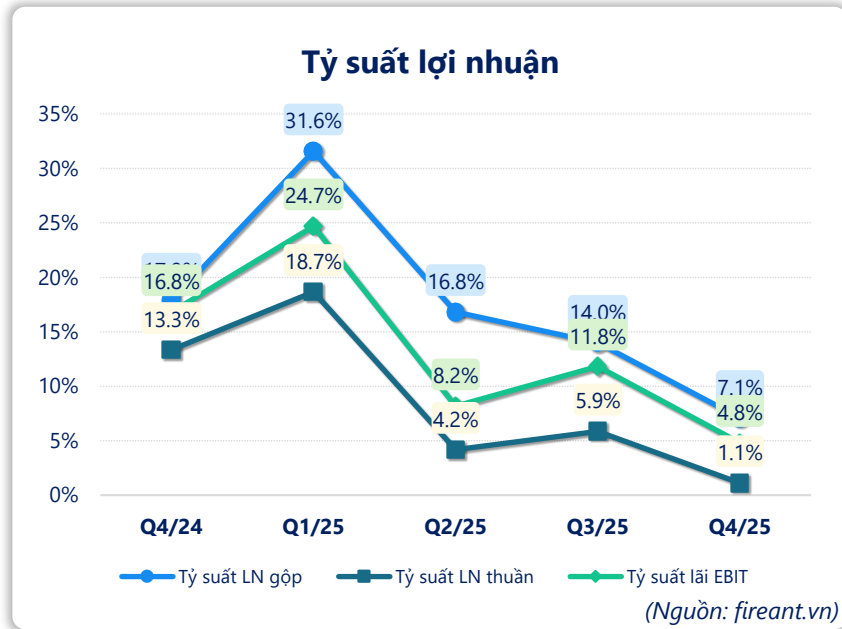
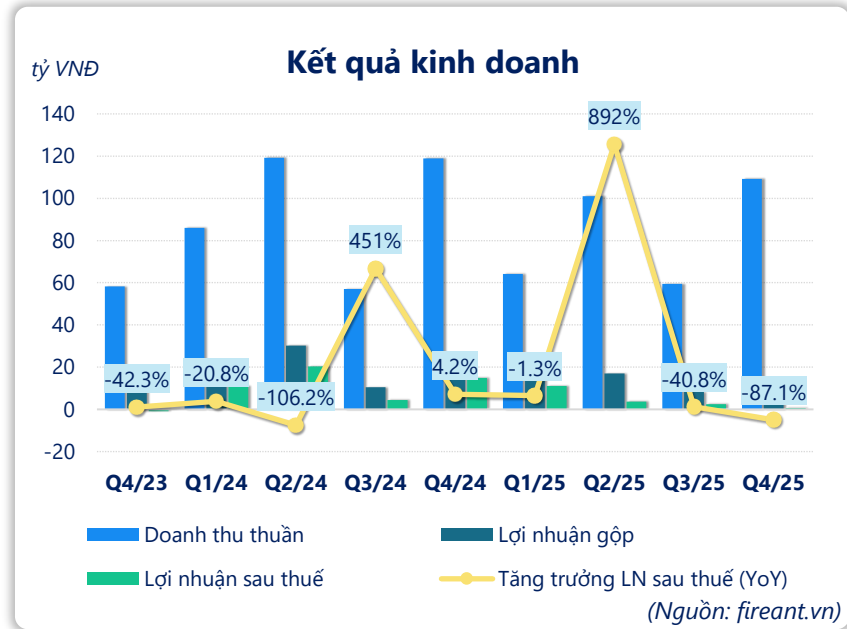


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		36,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		51,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		33,300
SL cổ phiếu LH		5,070,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		775
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		185
P/E		10.3
EPS		3,551

	YTD	1T	3T	6T
KTS	-8.1%	-2.4%	-13.7%	-26.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	571	549	4.1%
Tài sản ngắn hạn	361	342	5.4%
Tiền và tương đương tiền	39.0	68.2	-42.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.8	18.0	4.2%
Phải thu ngắn hạn	123	170	-27.4%
Hàng tồn kho	179	86.4	107%
Tài sản ngắn hạn khác	0.74	0.12	519%
Tài sản dài hạn	210	206	1.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	198	195	1.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.57	8.12	-6.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	5.07	3.32	52.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	313	303	3.6%
Nợ ngắn hạn	302	280	8.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	232	227	1.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	47.4	33.2	43.0%
Nợ dài hạn	11.0	22.8	-51.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	10.8	22.8	-52.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	258	246	4.6%
Vốn chủ sở hữu	258	246	4.6%
Vốn điều lệ	50.7	50.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.00	0.00	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	119	64.2	101	59.5	109
Giá vốn hàng bán	97.6	43.9	84.0	51.2	101
Lợi nhuận gộp	21.2	20.3	17.0	8.33	7.75
Doanh thu HĐTC	1.15	1.17	0.60	0.21	0.33
Chi phí TC	4.90	4.43	4.47	4.49	4.51
Chi phí lãi vay	4.90	4.43	4.44	4.49	4.51
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.18	1.37	6.28	0.13	0.81
Chi phí QLDN	1.45	3.64	2.62	0.43	1.55
LN thuần từ HĐKD	15.8	12.0	4.22	3.49	1.22
Lợi nhuận khác	-0.78	-0.57	-0.41	-0.95	-0.48
LN trước thuế	15.1	11.4	3.80	2.54	0.74
Lợi nhuận sau thuế	14.8	11.1	3.67	2.49	0.71
LNST của CĐ cty mẹ	14.8	11.1	3.67	2.49	0.71

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	73.4	70.4	-143	13.8	18.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-24.6	-0.09	24.0	-0.37	-0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	16.4	-106	97.7	-19.9	15.9
Tiền đầu kỳ	2.94	68.2	32.1	10.8	4.33
Lưu chuyển tiền thuần	65.2	-36.1	-21.3	-6.51	34.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	68.2	32.1	10.8	4.33	39.0

(Nguồn: fireant.vn)